

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HUNG PHÁT HÀ BẮC

Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc là công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2003000297 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 01/02/2008.

Vốn điều lệ là 56.000.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ đồng chẵn)

Sở hữu vốn:

TT	Tên thành viên	Theo giấy chứng nhận ĐKKD		Theo thực tế vốn góp		
		Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ
1	Công ty TNHH NN MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	2.856.000	28.560.000.000	2.856.000	28.560.000.000	51%
2	Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	560.000	5.600.000.000	560.000	5.600.000.000	10%
3	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	560.000	5.600.000.000	899.800	8.998.000.000	16%
4	Các cổ đông khác	1.624.000	16.240.000.000	1.284.200	12.842.000.000	23%
Cộng		5.600.000	56.000.000.000	5.600.000	56.000.000.000	100%

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Ha Bac Hung Phat Chemical Joint Stock Company.

Tên viết tắt: HPCO.

Trụ sở chính của Công ty tại : Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Sản xuất và mua bán H₂O₂, phân bón phục vụ nông nghiệp và các loại hóa chất khác. Kinh doanh vật tư nông nghiệp. Xuất nhập khẩu các sản phẩm hóa chất và phân bón, nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, máy móc thiết bị và các mặt hàng mà Công ty kinh doanh. Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi các loại hàng hóa. Kinh doanh vận tải hàng hóa. Buôn bán máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Mua bán cổ phiếu, trái phiếu trên thị trường chứng khoán theo quy định của Nhà nước, liên danh, liên kết với các công ty chứng khoán. Kinh doanh bất động sản. Xây dựng các công trình xây dựng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, kinh doanh vật liệu xây dựng. Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng, hoàn thiện các công trình xây dựng. Liên danh, liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC

Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Dũng
Ông Doãn Hồng Hiến
Ông Trương Sỹ Bá
Bà Phạm Thị Hoa
Ông Nguyễn Tổng Luận

Ban Giám đốc

Ông Doãn Hồng Hiến

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA- IAFC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2011 cho Công ty và tiếp tục có nguyện vọng kiểm toán cho các năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Doãn Hồng Hiến

Giám đốc

Bắc Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Số : /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.

Kính gửi:

**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Quốc Hùng

Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0295/KTV

Lại Văn Hùng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0907/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 2 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		59.072.864.965	52.601.474.930
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	3.911.746.928	39.606.801.237
1. Tiền	111		411.746.928	4.656.801.237
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	34.950.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	1.500.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.048.429.133	6.112.167.440
1. Phải thu khách hàng	131		18.615.034.917	-
2. Trả trước cho người bán	132		30.357.235.391	6.108.263.599
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		7.678.325	-
4. Các khoản phải thu khác	135	4	1.068.480.500	3.903.841
IV- Hàng tồn kho	140		3.987.155.391	-
1. Hàng tồn kho	141		3.987.155.391	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.125.533.513	5.382.506.253
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		912.963.513	167.944.069
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5	-	5.214.562.184
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		212.570.000	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		155.217.452.286	63.505.177.482
I- Tài sản cố định	220		155.217.452.286	63.505.177.482
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	2.583.156.737	10.752.677
- Nguyên giá	222		2.849.380.044	150.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(266.223.307)	(139.247.323)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	152.634.295.549	63.494.424.805
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		214.290.317.251	116.106.652.412

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		160.465.322.500	55.355.218.899
I- Nợ ngắn hạn	310		45.559.671.396	10.759.908.435
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	8	3.542.074.052	-
2. Phải trả người bán	312		37.379.261.482	5.189.279.311
3. Người mua trả tiền trước	313		109.240.220	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	367.058.286	881.676.711
5. Phải trả người lao động	315		360.287.040	291.160.444
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10	3.156.185.721	3.414.943.169
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		645.564.595	982.848.800
II- Nợ dài hạn	330		114.905.651.104	44.595.310.464
1. Vay và nợ dài hạn	334	11	114.905.651.104	44.595.310.464
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		53.824.994.752	60.751.433.513
I- Vốn chủ sở hữu	410	12	53.824.994.752	60.751.433.513
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56.000.000.000	56.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(8.575.359.135)	(63.047.487)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.610.861.000	3.610.861.000
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.203.620.000	1.203.620.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.585.872.887	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		214.290.317.251	116.106.652.412

Doãn Hồng Hiền
Giám đốc

Lê Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Bắc Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Mẫu B 01-DN	
			Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	59.851.523.813	47.358.666.666
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	14	59.851.523.813	47.358.666.666
4. Giá vốn hàng bán	11	15	58.970.847.691	46.435.325.715
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		880.676.122	923.340.951
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	2.236.770.160	5.821.035.945
7. Chi phí tài chính	22	17	43.766.234	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		29.038.277	-
8. Chi phí bán hàng	24		220.326.335	3.410.653
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		918.270.972	590.145.486
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.935.082.741	6.150.820.757
11. Thu nhập khác	31		7.575.879	8.081.991
12. Chi phí khác	32		4.640.475	15.906.606
13. Lợi nhuận khác	40		2.935.404	(7.824.615)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.938.018.145	6.142.996.142
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	352.145.259	1.561.325.687
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.585.872.887	4.581.670.455
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	283	818

Doãn Hồng Hiến

Giám đốc

Bắc Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Lê Anh Tuấn

Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.938.018.145	6.142.996.142
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	126.975.984	139.247.323
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.236.770.160)	(5.821.035.945)
- Chi phí lãi vay	06	29.038.277	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(142.737.754)	461.207.520
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(44.893.851.137)	(10.427.703.099)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.987.155.391)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	31.631.404.351	5.491.427.521
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	5.323.100
- Tiền lãi vay đã trả	13	(29.038.277)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(725.860.701)	(1.766.349.278)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	6.587.274.857	7.845.109.598
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(188.318.349)	(1.501.547.353)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.748.282.401)	107.468.009
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(67.085.956.760)	(66.321.127.267)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(46.450.000.000)	(21.550.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	13.500.000.000	76.700.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.236.770.160	5.821.035.945
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(97.799.186.600)	(5.350.091.322)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	74.346.195.974	44.595.310.464
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(493.781.282)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.317.348.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	73.852.414.692	41.277.962.064
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(35.695.054.309)	36.035.338.751
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	39.606.801.237	3.571.462.486
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.911.746.928	39.606.801.237

Doãn Hồng Hiền

Giám đốc

Bắc Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Lê Anh Tuấn

Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc là công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2003000297 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 01/02/2008.

Vốn điều lệ là 56.000.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ đồng).

Sở hữu vốn:

TT	Tên thành viên	Theo giấy chứng nhận ĐKKD		Theo thực tế vốn góp		Tỷ lệ
		Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND	
1	Công ty TNHH NN MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	2.856.000	28.560.000.000	2.856.000	28.560.000.000	51%
2	Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	560.000	5.600.000.000	560.000	5.600.000.000	10%
3	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	560.000	5.600.000.000	899.800	8.998.000.000	16%
4	Các cổ đông khác	1.624.000	16.240.000.000	1.284.200	12.842.000.000	23%
	Cộng	5.600.000	56.000.000.000	5.600.000	56.000.000.000	100%

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Ha Bac Hung Phat Chemical Joint Stock Company.

Tên viết tắt: HPCO.

Trụ sở chính của Công ty tại : Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Sản xuất và mua bán H₂O₂, phân bón phục vụ nông nghiệp và các loại hóa chất khác. Kinh doanh vật tư nông nghiệp. Xuất nhập khẩu các sản phẩm hóa chất và phân bón, nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, máy móc thiết bị và các mặt hàng mà Công ty kinh doanh. Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi các loại hàng hóa. Kinh doanh vận tải hàng hóa. Buôn bán máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Mua bán cô phiếu, trái phiếu trên thị trường chứng khoán theo quy định của Nhà nước, liên danh, liên kết với các công ty chứng khoán. Kinh doanh bất động sản. Xây dựng các công trình xây dựng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, kinh doanh vật liệu xây dựng. Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng, hoàn thiện các công trình xây dựng. Liên danh, liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành cùng với các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN****2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (Tiếp theo)****Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt, chạy thử.

Đối với các TSCĐ được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá TSCĐ là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá TSCĐ sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản**Thời gian khấu hao (năm)**

Phương tiện vận tải

3

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty được ghi nhận trên cơ sở kết quả kinh doanh trong năm tài chính hiện hành sau khi đã thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước và các khoản lợi nhuận còn lại của các năm trước chưa được phân phối hết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu hoạt động xây lắp của Công ty được ghi nhận khi có hồ sơ quyết toán bao gồm: Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, bảng thanh toán khối lượng A-B, bảng tổng hợp khối lượng kinh phí hoàn thành và phiếu giá thanh toán (nếu có) mà không phụ thuộc vào hoá đơn tài chính đã phát hành hay chưa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (Tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

3. TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	146.169.759	1.033.017.131
Tiền gửi ngân hàng	265.577.169	3.623.784.106
Các khoản tương đương tiền	3.500.000.000	34.950.000.000
Cộng	3.911.746.928	39.606.801.237

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khác	1.068.480.500	3.903.841
Cộng	1.068.480.500	3.903.841

5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	5.214.562.184
Cộng	-	5.214.562.184

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2011		150.000.000	150.000.000
<i>Tăng trong năm</i>	<i>2.699.380.044</i>	-	<i>2.699.380.044</i>
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.699.380.044		2.699.380.044
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	2.699.380.044	150.000.000	2.849.380.044
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2011		139.247.323	139.247.323
<i>Tăng trong năm</i>	<i>116.223.307</i>	<i>10.752.677</i>	<i>126.975.984</i>
Khấu hao trong năm	116.223.307	10.752.677	126.975.984
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/01/2011	116.223.307	150.000.000	266.223.307
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2011	-	10.752.677	10.752.677
Tại 31/12/2011	2.583.156.737	-	2.583.156.737

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Nội dung	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
DA ĐTXD dây chuyền sản xuất nước Ôxy già công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50%		
<i>Chi phí xây dựng</i>	12.084.561.865	3.914.928.589
<i>Chi phí máy móc thiết bị</i>	120.499.677.394	54.600.412.649
<i>Chi phí quản lý dự án</i>	3.872.839.982	2.142.200.926
<i>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</i>	1.061.422.324	1.061.422.324
<i>Chi phí lãi vay</i>	7.743.399.643	273.586.950
<i>Chi phí khác</i>	2.466.153.873	1.501.873.367
<i>Chi phí lắp đặt</i>	4.340.883.750	
<i>Chi phí dự phòng</i>	565.356.718	
Cộng	152.634.295.549	63.494.424.805

8. VAY VÀ NỢ VAY NGẮN HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn		-
<i>Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Bắc Giang theo HĐ hạn mức số 044/11/HM/BG ngày 10/11/2011</i>	3.542.074.052	
Cộng	3.542.074.052	-

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	352.145.259	725.860.701
Thuế thu nhập cá nhân	14.913.027	5.112.578
Các loại thuế khác	-	150.703.432
Cộng	367.058.286	881.676.711

Quyết toán thuế của Đơn vị sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan Thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày ở trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	17.632.446	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	7.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác:		
<i>Trả cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết Hội</i>	<i>2.738.538.055</i>	<i>2.746.858.855</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>400.015.220</i>	<i>661.084.314</i>
Cộng	3.156.185.721	3.414.943.169

11. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngân hàng		
- Ngân hàng TMCP CT BG theo HĐ tín dụng số 0001-018-01/HĐTD ngày 15/7/2010 (*)	54.875.698.224	30.867.433.284
- Ngân hàng TMCP NT BG theo HĐ tín dụng số 01/10/ĐTDA/BG (*)	60.029.952.880	13.727.877.180
Cộng	114.905.651.104	44.595.310.464

(*) Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Giang theo hợp đồng số 0001-018-01/HĐTD ngày 15 tháng 7 năm 2011; tổng số tiền vay theo hợp đồng là 4,299,000 USD; mục đích vay: đầu tư dự án xây dựng dây chuyền sản xuất nước Ôxy già công suất 10.000 tấn/năm nồng độ 50%; thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi và theo sự chỉ đạo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ theo lãi suất tiết kiệm USD trả sau kỳ hạn 12 tháng cộng 3%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay trung dài hạn USD của bên A trong từng thời kỳ; lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần; hình thức bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(**) Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/10/ĐTDA/BG ngày 15 tháng 7 năm 2011; tổng số tiền vay theo hợp đồng là 4,478,822 USD (trong đó: khoản vay 1: 3,561,428 USD; khoản vay 2: 917,394 USD); mục đích vay: đầu tư dự án xây dựng dây chuyền sản xuất nước Ôxy già công suất 10.000 tấn /năm nồng độ 50%; thời hạn vay: thời hạn vay khoản vay 1 là 84 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời hạn vay khoản vay 2 là 24 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả sau của bên cho vay cộng 3%/năm; lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần; hình thức bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

12a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đo	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2010	56.000.000.000	2.236.360.000	745.453.000	-	-	58.981.813.000
Tăng trong năm	-	1.374.501.000	458.167.000	-	4.581.670.455	6.414.338.455
Phân phối lợi nhuận năm		1.374.501.000	458.167.000			1.832.668.000
Lãi kinh doanh					4.581.670.455	4.581.670.455
Giảm trong năm	-	-	-	63.047.487	4.581.670.455	4.644.717.942
Phân phối lợi nhuận năm					4.581.670.455	4.581.670.455
Giảm khác				63.047.487		63.047.487
Số dư tại 31/12/2010	56.000.000.000	3.610.861.000	1.203.620.000	(63.047.487)	-	60.751.433.513
Số dư tại 01/01/2011	56.000.000.000	3.610.861.000	1.203.620.000	(63.047.487)	-	60.751.433.513
Tăng trong năm	-	-	-	63.047.487	1.585.872.887	1.648.920.374
Lãi kinh doanh					1.585.872.887	1.585.872.887
Tăng khác				63.047.487		63.047.487
Giảm trong năm	-	-	-	8.575.359.135	-	8.575.359.135
Giảm khác				8.575.359.135		8.575.359.135
Số dư tại 31/12/2011	56.000.000.000	3.610.861.000	1.203.620.000	(8.575.359.135)	1.585.872.887	53.824.994.752

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MÃU B 09-DN**

12b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của đối tượng khác	56.000.000.000	56.000.000.000
Cộng	56.000.000.000	56.000.000.000

12c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	56.000.000.000	56.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	56.000.000.000	56.000.000.000

12d. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	3.610.861.000	3.610.861.000
Quỹ dự phòng tài chính	1.203.620.000	1.203.620.000

13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	59.851.523.813	47.358.666.666
Cộng	59.851.523.813	47.358.666.666

14. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu thuần	59.851.523.813	47.358.666.666
Cộng	59.851.523.813	47.358.666.666

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn của hàng đã bán	58.970.847.691	46.435.325.715
Cộng	58.970.847.691	46.435.325.715

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.236.770.160	5.821.035.945
Cộng	2.236.770.160	5.821.035.945

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	29.038.277	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.727.957	-
Cộng	43.766.234	-

18. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	352.145.259	1.561.325.687
Cộng	352.145.259	1.561.325.687

THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.938.018.145	6.142.996.142
+ Các khoản điều chỉnh tăng	74.240.475	102.306.606
- <i>Thù lao HĐQT không tham gia trực tiếp điều hành</i>	69.600.000	86.400.000
- <i>Các khoản chi phí không hợp lệ</i>	4.640.475	15.906.606
Tổng thu nhập chịu thuế	2.012.258.620	6.245.302.748
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	503.064.655	1.561.325.687
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	150.919.397	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	352.145.259	1.561.325.687

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.585.872.887	4.581.670.455
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.585.872.887	4.581.670.455
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.600.000	5.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	283	818

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nhân công	306.653.608	264.090.546
Chi phí khấu hao tài sản cố định	126.975.984	139.247.323
Chi phí khác bằng tiền	704.889.175	279.465.589
Cộng	1.138.518.767	682.803.458

21. THÔNG TIN KHÁC.

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn thuế, Kế toán và Kiểm toán Việt Nam. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu kỳ này.

Doãn Hồng Hiền
Giám đốc

Lê Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Bắc Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2012